

Số: 52A/QĐ-PTTHKH

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Báo cáo quyết toán tài chính năm 2022
của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa

ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 ban hành Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UB ngày 22/11/1994 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 20/03/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-PTTH ngày 19/12/2022 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí của Đài Phát thanh và truyền hình Khánh Hòa;

Căn cứ số liệu Thu - Chi năm 2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức và Hành chính, Phòng Kế hoạch và Tài vụ và Ban chấp hành Công đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa (đính kèm số liệu thu – chi năm 2022)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức và Hành chính, Kế hoạch và Tài vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, KHTV.

GIÁM ĐỐC



Lê Anh Vũ

SỐ LIỆU THU - CHI**NĂM 2022**

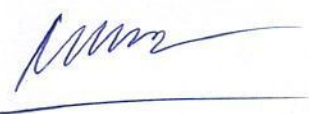
STT	NỘI DUNG	Năm 2022
I	Thu trong năm	27.985.717.173
1	Thu hoạt động dịch vụ	27.940.298.385
	- Doanh thu Quảng cáo	9.385.648.996
	- Doanh thu theo đơn đặt hàng	18.493.024.389
	- Doanh thu HĐ khác	61.625.000
2	Thu lãi ngân hàng	19.964.243
3	Thanh lý tài sản	25.454.545
II	Chi trong năm	29.725.456.511
	- Chi cho CBCNV Đài	13.164.244.823
	+ Tiền lương	10.677.922.114
	+ Các khoản đóng góp	2.351.256.709
	+ Các khoản phụ cấp	124.266.000
	+ Phụ cấp điện thoại/xăng xe	10.800.000
	- Chi khác	587.413.799
	+ Làm ban đêm	54.150.798
	+ Làm thêm giờ	450.952.591
	+ Đồng phục, trang phục	81.072.299
	+ Nghỉ phép	1.238.111
	- Phí ngân hàng	17.988.361
	- Văn phòng phẩm	31.068.364
	- Phí ô tô, kiểm định,	68.894.612
	- Tiếp khách	74.656.804
	- Mua VTHH, ... p/c quản lý	32.955.283
	- Chi phí quản lý khác	100.402.351
	- Công tác phí	423.985.814
	- Dịch vụ công	2.989.647.846
	+ Điện	1.941.534.701
	+ Nước	104.762.815
	+ Nhiên liệu	943.350.330
	- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	262.253.801
	- Thuê lao động	174.850.000

STT	NỘI DUNG	Năm 2022
	- Thuê đào tạo	7.200.000
	- Hội nghị	7.342.759
	- Chi nhuận bút CTV	580.724.000
	- Chi mua chương trình	180.000.000
	- Chi mua VTTB p/v sản xuất	11.366.365
	- Thuê máy móc, thiết bị p/v sản xuất	1.346.350.291
	- Chi hoạt động khác	1.055.287.998
	+ Khuyến khích	128.465.416
	+ Chi truyền dẫn phát sóng	300.000.000
	+ Chi hoạt động nghiệp vụ khác	626.822.582
	- Chi hợp tác, trao đổi	880.000.000
	- Phân bổ phim, CCDC, khác	5.341.257.581
	- Chi s/c thường xuyên	493.047.364
	- Khấu hao	1.894.518.295
IV	Chênh lệch thu chi (II - III)	-1.739.739.338
	- Từ hoạt động dịch vụ	-1.785.158.126
	- Ngân hàng	19.964.243
	- Thanh lý TSCĐ	25.454.545
V	Nộp thuế TNDN	
VI	Phần còn lại trích quỹ	
	- Từ hoạt động dịch vụ (IV-V-VI)	
	- Ngân hàng (IV-V)	19.964.243
VII	Trích quỹ	45.418.788
	- Quỹ PTSN 25%	45.418.788
	Trong đó:	
	+ Hoạt động dịch vụ	
	+ Lãi ngân hàng	19.964.243
	+ Hoạt động khác	25.454.545
	- Quỹ KTPL	
	- Thu nhập tăng thêm và dự phòng ổn định TN	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Minh Trang



Nguyễn Thị Kim Chung



Lê Anh Vũ